

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ
về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022
của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng,
an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Quán triệt, triển khai và cụ thể những nội dung Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phát huy vai trò đầu tàu của tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, phối hợp xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á. Xây dựng và phát triển Hải Phòng xanh, thông minh, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững; quan hệ đối ngoại mở rộng, hội nhập quốc tế hiệu quả.

2. Tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong nhận thức và hành động của các cấp, ngành, địa phương, đơn vị và nhân dân trên địa bàn thành phố, triển khai thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu đề ra, góp phần cùng các tỉnh, thành phố trong vùng nỗ lực hoàn thành các mục tiêu đã

đề ra tại Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ. Xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

3. Việc triển khai Kế hoạch hành động phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành tập trung của Ủy ban nhân dân thành phố, sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ và có hiệu quả giữa các ngành, các cấp, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị gắn với kiểm tra, đánh giá theo định kỳ việc triển khai thực hiện. Phân công nhiệm vụ cụ thể, tiến độ thực hiện và trách nhiệm giữa đơn vị chủ trì và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 13,0 - 13,5%/năm. Đến năm 2030, GRDP thành phố tăng khoảng 5 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), trong đó nông, lâm và thủy sản chiếm khoảng 1,8%, công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 55,4%, dịch vụ chiếm khoảng 38,2%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 4,6%;

- GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 534 - 558 triệu đồng/người (giá hiện hành), tương đương khoảng 21.000 - 22.000 USD;

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 8,9 - 10,7%;

- Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2021-2030 đạt 56 - 59%;

- Kinh tế số đạt khoảng 40% GRDP;

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 70 - 75%;

- Có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu;

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 76%, tiểu học đạt 95%, trung học cơ sở đạt 90%, trung học phổ thông đạt 68%;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50%;

- Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới 3,0%;

- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2030 dưới 0,1%;

- Đạt 45 giường bệnh/vạn dân và 14-16 bác sĩ/vạn dân;

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98% số dân;

- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn đạt 100%;

- Có 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường;
- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%;
- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%;
- Tổng lượng phát thải khí nhà kính của thành phố giảm ít nhất 43,5% so với Kịch bản phát triển thông thường.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, bám sát các nhiệm vụ, đề án cụ thể được xác định theo Kế hoạch này để triển khai thực hiện có hiệu quả 09 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đã đề ra tại Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ, cụ thể:

1.1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch

- Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ để tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí chiến lược và tầm quan trọng đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng đồng bằng Sông Hồng đối với cả nước, của thành phố Hải Phòng đối với vùng đồng bằng Sông Hồng.

- Đổi mới tư duy phát triển và đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng, nhất là liên kết vùng, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ thống đô thị thông minh, hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phân bổ nguồn lực và quan hệ đối ngoại nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, giải quyết các vấn đề quốc gia tại vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng trên địa bàn thành phố.

- Tuyên truyền về Nghị quyết số 30-NQ/TW, Nghị quyết số 14/NQ-CP, với quy mô sâu rộng, bằng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như tiềm năng, lợi thế của vùng để tạo đột phá phát triển vùng nói chung và thành phố nói riêng.

1.2. Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Hoàn thành lập và phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch vùng, hài hòa giữa

vùng bảo vệ - bảo tồn, vùng đệm và vùng phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

- Tổ chức không gian phát triển thành phố bảo đảm cân bằng, bền vững gắn với việc phát triển các hành lang kinh tế, gồm: Hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; Kết nối kinh tế trực cao tốc phía Đông gồm 04 tỉnh, thành phố: Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng - Quảng Ninh; phát triển các chuỗi đô thị hiện đại và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, giao thông đồng bộ, kết nối với các cực tăng trưởng trong vùng (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), nội vùng, liên vùng, các đầu mối trung tâm kinh tế trên toàn tuyến, hành lang kinh tế.

- Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao, công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, tài chính, ngân hàng, du lịch và đô thị thông minh. Nghiên cứu, hình thành các khu vực phát triển công nghiệp, thương mại, tài chính, ngân hàng, dịch vụ, nông nghiệp hiệu quả cao, hữu cơ, tuần hoàn; phát triển dịch vụ, logistics.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất phù hợp với không gian phát triển; lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển, dự án đầu tư phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ theo Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm giai đoạn 2021-2025, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. Quản lý, khai thác có hiệu quả quỹ đất, nhất là quỹ đất được hình thành từ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các tỉnh, thành phố trong vùng nghiên cứu, xây dựng thể chế điều phối vùng đủ mạnh để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả điều phối, liên kết vùng, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề về môi trường liên tỉnh, phát triển các cụm liên kết ngành về môi trường...

- Nghiên cứu, xây dựng các Đề án: (i) Đề án xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành Trung tâm logistics quốc tế hiện đại, gắn với cảng biển Quốc tế kết nối với các tuyến hành lang, vành đai kinh tế; (ii) Đề án xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; (iii) Đề án xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hải Phòng; (iv) Đề án phát triển thành phố Hải Phòng trở thành đô thị loại đặc biệt, xanh thông minh, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; (v) Đề án mở rộng không gian khu kinh tế ven biển Hải Phòng.

1.3. Phát triển kinh tế

Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, xã hội số thích ứng biến đổi khí hậu; lấy công nghiệp, dịch vụ hiện đại và nông nghiệp hiệu quả cao dựa trên ứng dụng công nghệ cao tiếp tục là trụ cột của nền kinh tế. Phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp.

a) Phát triển công nghiệp:

- Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, ứng dụng nền tảng số, thân thiện với môi trường, ít phát thải khí nhà kính, có giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh, tham gia sâu, toàn diện vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, trọng tâm phát triển là công nghiệp hiện đại có lợi thế như công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số (gồm: công nghiệp phần mềm, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp điện tử và các ngành công nghiệp mới sản xuất chíp, bán dẫn), ô tô, công nghiệp hỗ trợ; thúc đẩy phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh.

- Huy động có hiệu quả các nguồn vốn để đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải theo hướng hiện đại, đồng bộ, nâng cao tỷ lệ lắp đầy các khu công nghiệp hiện có, gắn với các hành lang, vành đai kinh tế. Tạo điều kiện về kết cấu hạ tầng, quỹ đất để thu hút ngành công nghiệp mới, công nghiệp công nghệ cao, các dự án công nghiệp quy mô lớn có công nghệ hiện đại, công nghệ sạch, có giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho ngân sách.

- Phối hợp với các tỉnh, thành phố trong vùng thúc đẩy phát triển hành lang công nghiệp Hà Nội - Hải Phòng và vành đai kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình. Hình thành khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với phát triển khu công nghiệp, khu đô thị - dịch vụ nhằm cung ứng dịch vụ, tiện ích công cộng cho khu công nghiệp; tăng cường liên kết hình thành các cụm liên kết ngành và khu công nghiệp chuyên biệt.

b) Phát triển nông nghiệp:

- Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế của từng địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hóa tập trung, quy mô lớn, sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp sạch, bảo đảm an toàn thực phẩm, sử dụng công nghệ cao, dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hóa, tự động hóa; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát

triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), giảm phát thải khí nhà kính... Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, trọng tâm là doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã; thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng.

- Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, chú trọng phát triển rừng ven biển. Bảo vệ, giữ gìn môi trường, không gian, cảnh quan, gắn phát triển các làng nghề truyền thống với phát triển du lịch.

- Xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc.

- Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với bảo vệ, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo tồn không gian kiến trúc văn hóa làng, xã truyền thống nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ; bảo vệ môi trường, không gian cảnh quan, gắn phát triển làng nghề truyền thống với phát triển du lịch.

c) Phát triển dịch vụ, thương mại và du lịch:

- Phát triển các ngành dịch vụ và thương mại của thành phố theo hướng hiện đại, đa dạng với trọng tâm là phát triển dịch vụ cảng biển - logistics, du lịch - thương mại. Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại, là cửa ngõ ra biển, kết nối các tuyến hành lang, vành đai kinh tế; là một trong những trọng điểm của cả nước về phát triển các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động cảng biển, dịch vụ logistics, đáp ứng tốt nhu cầu trong nước và quốc tế; tập trung phát triển các dịch vụ mũi nhọn như dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ vận tải, kho bãi, dịch vụ logistics và các dịch vụ tiềm năng khác.

- Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng tiềm năng, có thế mạnh của Hải Phòng. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại. Tăng cường kết nối cung cầu với các tỉnh, thành phố Vùng đồng bằng sông Hồng; cung cấp

các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp vào tiêu thụ tại hệ thống các siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn thành phố.

- Phát triển sản phẩm du lịch chất lượng cao, gắn với xây dựng thương hiệu du lịch Hải Phòng. Thu hút đầu tư phát triển mạnh các loại hình du lịch biển đảo. Tập trung **xây dựng** sản phẩm hoàn chỉnh đưa vào phục vụ như: Cát Bà gắn với du lịch biển, thể thao, giải trí, nghỉ dưỡng; Đồ Sơn gắn với các hoạt động thể thao (golf), dịch vụ casino, nghỉ dưỡng, tâm linh; trung tâm thành phố gắn với du lịch văn hóa, ẩm thực, mua sắm; khu vực ngoại thành gắn với du lịch y tế, du lịch cộng đồng và du lịch nông nghiệp, nông thôn. Nghiên cứu kết nối phát triển sản phẩm du lịch liên vùng trong khu vực Đồng bằng sông Hồng đặc biệt với thủ đô Hà Nội và các tỉnh, thành phố có tiềm năng về phát triển luồng khách du lịch.

d) Phát triển kinh tế biển:

- Phát triển kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái biển. Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển và phát huy vai trò động lực các khu kinh tế ven biển gắn với đô thị ven biển, trung tâm du lịch, dịch vụ logistics. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ vào nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy hải sản; đào tạo nhân lực biển. Đầu tư, xây dựng Trường Đại học Hàng Hải là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu khoa học - công nghệ biển, đào tạo nhân lực đạt trình độ ngang bằng các nước phát triển trong khu vực để phục vụ phát triển kinh tế biển.

- Phối hợp với tỉnh Quảng Ninh nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi để xây dựng và phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại mang tầm quốc tế, hàng đầu Đông Nam Á, là cửa ngõ, động lực phát triển của vùng.

1.4. Phát triển hệ thống đô thị bền vững và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý đô thị; nghiên cứu mở rộng không gian đô thị. Phát triển thành phố Hải Phòng xanh, thông minh, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lấy định hướng phát triển giao thông công cộng làm cơ sở quy hoạch đô thị (theo mô hình TOD). Hoàn thành việc di chuyển trung tâm chính trị - hành chính thành phố sang phía bắc sông Cấm.

- Chú trọng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị; hình thành khu đô thị biển gắn với khu công nghiệp, dịch vụ, thương mại và khu dân cư. Tập trung cải tạo, chỉnh trang các chung cư hết niên hạn sử dụng, chung cư xuống cấp, mất an toàn; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và xây dựng các thiết chế văn hóa,

nhất là cho công nhân, người lao động làm việc trong các khu công nghiệp. Tăng cường rà soát, quy hoạch, xây dựng các khu tái định cư bảo đảm phục vụ triển khai các dự án hạ tầng, phát triển đô thị tại các địa phương. Tiếp tục cải tạo, nâng cấp các tuyến đường đô thị.

- Tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn, nhất là hạ tầng viễn thông băng rộng, điện toán đám mây, IoT... Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các công trình văn hóa, thể thao, du lịch. Chủ trọng đầu tư các công trình thu gom, xử lý rác thải, nước thải, chống ngập. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê sông, đê biển; đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ưu tiên huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, trong đó vốn nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, đầu tư các công trình trọng điểm, động lực, có tính lan tỏa, kết nối vùng, kết nối các phương thức vận tải khác nhau:

(i) Vẽ đường bộ:

Giao thông đối ngoại kết nối liên tỉnh, liên vùng: Chủ động đề xuất, phối hợp cùng Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan chấp thuận cải tạo, nâng cấp toàn tuyến QL.10, QL.5, QL.17B đi qua địa bàn thành phố; triển khai đầu tư xây dựng giai đoạn 2 tuyến QL.37; đầu tư xây dựng đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng và hoàn chỉnh tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa phận Hải Phòng.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hoàn thành các công trình kết nối liên tỉnh: cầu Bến Rừng, cầu Lại Xuân, cầu vượt sông Hoá và đoạn tuyến qua Hải Phòng của tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn. Tiếp tục phối hợp với các địa phương trong khu vực thúc đẩy phát triển hoạt động vận tải xuyên biên giới Việt - Trung; phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng kết nối các địa phương lân cận nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, giao lưu kinh tế - xã hội của người dân.

Kết cấu hạ tầng giao thông đô thị: Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các tuyến đường kết nối các địa phương Đồ Sơn, Kiến Thụy và Vĩnh Bảo với tuyến đường bộ ven biển; một số tuyến đường, nút giao khu vực cảng biển đặc biệt là khu Lạch Huyện, khu công nghiệp VSIP...

Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh theo quy hoạch; xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường vành đai 2, vành đai 3 thành phố.

(ii) Vẽ đường thủy nội địa:

Đề xuất với Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan liên quan để sớm cải tạo các tuyến hành lang đường thủy nội địa kết nối Hải Phòng - Quảng Ninh với Hà Nội, Việt Trì, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình.

(iii) Về đường biển:

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan liên quan và các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng các bến số 3, 4, 5, 6 và các bến tiếp theo của Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện. Nghiên cứu đầu tư xây dựng cảng Nam Đò Sơn.

(iv) Về đường sắt:

Đề xuất cải tạo để nâng tốc độ và khả năng khai thác hiệu quả tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan liên quan nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường sắt nối khu vực cảng biển Hải Phòng và nghiên cứu triển khai tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

(v) Về đường hàng không:

Phối hợp đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án đầu tư xây dựng Nhà ga hành khách số 2, Dự án mở rộng sân đỗ máy bay - Giai đoạn 2 và Dự án đầu tư xây dựng Nhà ga hàng hóa Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi. Nghiên cứu đầu tư Cảng hàng không quốc tế tại huyện Tiên Lãng.

1.5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Triển khai hiệu quả, đồng bộ các chương trình khoa học - công nghệ; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; tập trung xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm khoa học và công nghệ của vùng duyên hải Bắc Bộ; trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ với các ngành nghề hàng hải, đại dương học, kinh tế biển.

- Chú trọng nghiên cứu phát triển công nghệ lõi, công nghệ số. Củng cố, tăng cường năng lực cho các tổ chức khoa học và công nghệ; tập trung đầu tư một số đơn vị có đủ năng lực nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đặc biệt là các tổ chức khoa học và công nghệ biển. Ưu tiên hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong mạng lưới khoa học và công nghệ của thành phố để tiếp nhận, chuyển giao các công nghệ tiên tiến trong vùng. Phấn đấu đưa tổng số tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ tăng gấp 02 lần so với năm 2020. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng ứng dụng công nghệ số trong quản trị doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập trong vùng.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia, thành lập, mở rộng quy mô các quỹ phát triển khoa học - công nghệ, thành lập và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường, cơ sở nghiên cứu; phát triển thị trường khoa học - công nghệ hiệu quả, hội nhập quốc tế. Tăng cường hợp tác khoa học và công nghệ với các tỉnh, thành phố trong vùng để phát triển các sản phẩm chủ lực, lợi thế của Thành phố. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ.

- Phát triển các Trung tâm ươm tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Câu lạc bộ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Xây dựng và phát triển mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của thành phố liên kết với mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia. Xây dựng, vận hành Trung tâm phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Khu khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố đóng vai trò trung tâm của vùng đồng bằng sông Hồng.

- Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng dữ liệu phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, hướng đến công nghệ 6G. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số; tạo lập dữ liệu mở, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh. Phát triển nhanh doanh nghiệp công nghệ số; tăng tỷ trọng kinh tế số trong GRDP.

- Xây dựng và vận hành hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) thành phố Hải Phòng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của thành phố.

1.6. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng tập trung phát triển năng lực, kỹ năng, phẩm chất cho người học, hài hoà đức, trí, thể, mĩ. Đổi mới giáo dục mầm non theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ em. Chuẩn hóa và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông cả trí tuệ, thể chất; hình thành phẩm chất, năng lực người học, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, xã hội hoá và tự chủ đại học.

- Tập trung đầu tư, thu hút mọi nguồn lực xã hội cho phát triển nhân lực, trọng tâm là đào tạo nghề. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ. Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ nghiên cứu chuyên ngành về biển đạt trình độ khu vực và quốc tế, đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu về khoa học và công nghệ biển.

- Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo hướng chuẩn hóa, tăng quy mô tuyển sinh và nâng cao chất lượng đào tạo. Tăng cường hợp tác, liên kết với doanh nghiệp. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao; phối hợp với các tỉnh, thành phố trong vùng về giáo dục đại học, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Nâng cao chất lượng dự báo thị trường lao động. Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, tiến bộ, hội nhập quốc tế; thúc đẩy chuyển dịch và phân bổ hợp lý lao động; hình thành cơ sở dữ liệu quản lý lao động, kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

1.7. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

- Phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, hướng tới chân - thiện - mỹ, thẩm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, tạo sức mạnh nội sinh to lớn của vùng; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức sáng tạo, tinh thần công hiến, khát vọng phát triển phồn vinh của Nhân dân.

- Phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế; bảo đảm yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các công nghệ mới và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa và đời sống văn hóa lành mạnh, tiến bộ. Huy động nguồn lực của mọi tầng lớp xã hội đầu tư và tổ chức đời sống văn hóa, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các tầng lớp trong xã hội; mọi người dân đều được hưởng thụ các dịch vụ văn hóa và vui chơi giải trí, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần Nhân dân.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2025, Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2030. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa với phát triển du lịch. Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống lịch sử hào hùng của quê hương, đất nước trong nhân dân thành phố. Đầu tư cho Di tích quốc gia đặc biệt Đền thờ Nguyễn Bỉnh Khiêm và di tích danh lam thắng cảnh quần đảo Cát Bà; tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa; bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, đặc biệt các hoạt động văn hóa, tuyên truyền, quảng bá về thành phố Hải Phòng gắn kết với phát triển du lịch, như: Sân khấu truyền hình; Lễ hội Hoa Phượng Đỏ, các cuộc thi sáng tác văn học, nghệ thuật; các hoạt động giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế... Phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ của Nhân dân. Xây dựng, nâng cấp, hiện đại hóa một số công trình văn hóa bảo đảm tổ chức các sự kiện văn hóa cấp quốc gia, quốc tế.

- Kết hợp phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nhất là giảm nghèo đô thị, tạo việc làm. Tiếp tục thực hiện hiệu quả

chủ trương “Đầu tư cho công tác an sinh, phúc lợi xã hội đi trước so với tốc độ phát triển kinh tế”. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách về ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội; các chính sách dân tộc, tôn giáo; làm tốt công tác chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Phát triển đồng bộ hệ thống y tế theo quy hoạch; bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận bình đẳng dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khoẻ và bảo hiểm y tế toàn dân. Đầu tư, nâng cấp bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa tuyến thành phố để đảm nhận vai trò bệnh viện tuyến cuối nhằm giảm tải cho các bệnh viện tuyến Trung ương. Gắn phát triển dịch vụ y tế với du lịch khám, chữa bệnh và nghỉ dưỡng. Tăng cường quản lý dược phẩm, vật tư, trang thiết bị y tế đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch, khám, chữa bệnh và phòng, chống tiêu cực. Duy trì tỷ lệ sinh, khắc phục tình trạng mất cân bằng giới tính. Đa dạng hóa công tác khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học tiên tiến, hiện đại, chuyên sâu. Phát huy thế mạnh về y học biển để trở thành trung tâm y tế biển hàng đầu của cả nước.

1.8. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Phát triển kinh tế đi đôi với tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất đai, nước. Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, ít phát thải khí nhà kính, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên, đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Cát Bà. Áp dụng các giải pháp tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học nhằm dựa vào thiên nhiên để phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; giải quyết các sự cố, phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái biển, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chủ động thích ứng với tình trạng nước biển dâng. Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học các vùng ngập nước.

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững đất đai; bảo đảm cân đối quỹ đất cho phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên để bảo đảm an ninh lương thực, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững theo quy định của pháp luật. Thường xuyên rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất của các dự án chậm đưa vào sử dụng; kiên quyết xử lý, thu hồi đúng pháp luật, không để tái diễn tình trạng dự án “treo”, sử dụng không đúng quy hoạch, sai mục đích, phòng, chống lợi ích nhóm, tiêu cực; lành mạnh hoá thị trường.

- Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước. Huy động các nguồn lực hỗ trợ chuyển đổi năng lượng và thích ứng biến đổi khí hậu, trong đó có bảo đảm khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, với chi phí phù hợp và đánh giá chính xác tiềm năng điện gió, điện mặt trời nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng.

- Tập trung giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách, nhất là rác thải, khí thải, ô nhiễm nước các sông trong nội đô và các làng nghề khu vực nông thôn. Kiên quyết di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội thành, khu vực đông dân cư. Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư phát triển các khu xử lý rác thải, nước thải. Triển khai nhanh các dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại thay cho việc chôn lấp; khuyến khích các dự án đốt rác phát điện, điện gió, điện mặt trời.

1.9. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với củng cố quốc phòng, an ninh. Xây dựng Hải Phòng thành khu vực phòng thủ vững chắc đúng với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh đối với Quân khu 3 và cả nước; trở thành thành phố an toàn, thân thiện; tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm cuộc sống bình yên cho nhân dân thành phố. Xây dựng các công trình phòng thủ theo quy hoạch, vừa bảo đảm quốc phòng - an ninh, vừa phục vụ sản xuất kinh doanh. Ưu tiên củng cố, cải tạo, xây dựng các công trình quốc phòng - an ninh phòng thủ tuyến biên giới trên biển, đảo Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Đò Sơn, Tiên Lãng; xây dựng quân cảng Nam Đò Sơn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tác chiến trong khu vực phòng thủ của thành phố. Xây dựng trung tâm tìm kiếm cứu nạn trên biển tại đảo Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Đò Sơn. Xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc trên nền tảng thế trận toàn dân.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh nhằm vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng của đất nước và thành phố. Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự; ứng phó có hiệu quả các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

- Xây dựng lực lượng vũ trang thành phố đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, triển khai ứng dụng và tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm.

- Tăng cường củng cố, mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước, các địa phương và vùng lãnh thổ trên thế giới, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tập đoàn lớn. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, thu hút FDI, ODA theo hướng chọn lọc, ưu tiên các dự án có sức lan tỏa, dẫn dắt, giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, phù hợp với định hướng phát triển của thành phố. Gắn kết các hoạt động đối ngoại với việc thực hiện các định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

2. Phân công nhiệm vụ cho từng đơn vị, trong đó xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và thời gian thực hiện cụ thể cho từng đơn vị.

(*Phụ lục chi tiết kèm theo*)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị:

- Khẩn trương tổ chức thực hiện Kế hoạch này, triển khai ngay các giải pháp, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách để hoàn thành các chỉ tiêu và nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ.

- Tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Kế hoạch. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 11 để tổng hợp chung; Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 05 tháng 12 hàng năm.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung, các sở, ban, ngành địa phương chủ động đề xuất gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.¶

Noi nhận:

- Bộ KHĐT;
- TTTU;
- TT HĐNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc TP;
- UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP;
- Các Phòng CV,
- Lưu: VT/

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 60 /KH-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân (giai đoạn 2021-2030)	%	13,0 - 13,5	Cục Thống kê thành phố
2	Cơ cấu GRDP			Cục Thống kê thành phố
	<i>Trong đó:</i>			
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	%	1,8	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	55,4	
-	Dịch vụ	%	38,2	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	4,6	
3	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng	534 - 558	Cục Thống kê thành phố
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	40	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	70 - 75	Sở Xây dựng
6	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	100	
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%	100	
7	Tốc độ tăng năng suất lao động (giai đoạn 2021-2030)	%	8,9 - 10,7	Cục Thống kê thành phố
8	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (giai đoạn 2021-2030)	%	56 - 59	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	50	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
10	Tỷ lệ thất nghiệp	%	< 3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
11	Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2030	%	< 0,1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia			Sở Giáo dục và Đào tạo
-	<i>Mầm non</i>	%	76,0	
-	<i>Tiểu học</i>	%	95,0	
-	<i>Trung học cơ sở</i>	%	90,0	
-	<i>Trung học phổ thông</i>	%	68,0	
13	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường bệnh	45	Sở Y tế
14	Số bác sỹ trên 10.000 dân	Bác sỹ	14 - 16	Sở Y tế
15	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	>98	Bảo hiểm xã hội thành phố
16	Tỷ lệ dân số đô thị đang sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung	%	100	Sở Xây dựng
17	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn	%	100	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Ban Quản lý Khu kinh tế
19	Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	100	Sở Tài nguyên và Môi trường
20	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định	%	98	Sở Tài nguyên và Môi trường
21	Giảm ít nhất lượng phát thải khí nhà kính so với Kịch bản phát triển thông thường	%	43,5	Sở Tài nguyên và Môi trường

PHỤ LỤC 2

**CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG TÂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 14/NQ-CP NGÀY 08/02/2023
CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30-NQ/TW NGÀY 23/11/2022
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐẨM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Kèm theo Kế hoạch số 60 /KH-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố)

TT	NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH/THỰC HIỆN
I	CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÀ ĐẨY MẠNH LIÊN KẾT VÙNG			
1	Xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	Thời gian trình: 2023; thực hiện trong các năm tiếp theo
2	Tổ chức công bố và triển khai thực hiện Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được phê duyệt	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	Từ năm 2023
3	Rà soát, lập điều chỉnh các quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn thành phố đảm bảo phù hợp với Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng và UBND các quận, huyện	Các sở, ngành liên quan	2023-2025

TT	NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH/THỰC HIỆN
II	PHÁT TRIỂN KINH TẾ			
1	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành Trung tâm logistics quốc tế hiện đại, gắn với cảng biển Quốc tế kết nối với các tuyến hành lang, vành đai kinh tế	Sở Công Thương	Sở Giao thông vận tải, các sở, ngành địa phương liên quan	Thời gian trình: 2023-2025; thực hiện trong các năm tiếp theo
2	Xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2025
3	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án mở rộng không gian khu kinh tế ven biển Hải Phòng	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	Thời gian trình: 2023-2024; thực hiện trong các năm tiếp theo
4	Phối hợp với các tỉnh, thành phố trong vùng thúc đẩy phát triển hành lang công nghiệp Hà Nội - Hải Phòng và vành đai kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	Hàng năm
5	Nghiên cứu kết nối phát triển sản phẩm du lịch liên vùng trong khu vực Đồng bằng sông Hồng đặc biệt với thủ đô Hà Nội và các tỉnh, thành phố có tiềm năng về phát triển luồng khách du lịch	Sở Du lịch	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	Hàng năm
6	Triển khai thực hiện các nội dung chương trình, thỏa thuận hợp tác về phát triển du lịch đã ký kết với các địa phương khu vực Đồng bằng sông Hồng	Sở Du lịch	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	Hàng năm
7	Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	Hàng năm

TT	NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH/THỰC HIỆN
8	Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	Hàng năm
9	Phối hợp với tỉnh Quảng Ninh nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi để xây dựng và phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại mang tầm quốc tế, hàng đầu Đông Nam Á, là cửa ngõ, động lực phát triển của vùng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2025
III PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ BỀN VỮNG VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI HIỆN ĐẠI				
1	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển thành phố Hải Phòng trở thành đô thị loại đặc biệt, xanh thông minh, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	Thời gian trình: 2023-2024; thực hiện trong các năm tiếp theo
2	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án Chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	Thời gian trình: 2023-2025; thực hiện trong các năm tiếp theo
IV PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SÓ				
1	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	Thời gian trình: 2023-2025; thực hiện trong các năm tiếp theo
2	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	Từ năm 2023

TT	NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHÓI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH/THỰC HIỆN
3	Xây dựng, vận hành Trung tâm phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Khu khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố đóng vai trò trung tâm của vùng đồng bằng sông Hồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2025
4	Xây dựng và vận hành hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) thành phố Hải Phòng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2025
V	PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC			
1	Đầu tư, xây dựng Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu, đào tạo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển	Đại học Hàng hải Việt Nam	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2025
2	Thực hiện hiệu quả Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030”	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2030
VI	PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG CỦA NHÂN DÂN			
1	Thực hiện có hiệu quả Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2025, Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2030	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2030
2	Đầu tư, nâng cấp bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa tuyến thành phố để đảm nhận vai trò bệnh viện tuyến cuối nhằm giảm tải cho các bệnh viện tuyến Trung ương	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2030

TT	NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHÓI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH/THỰC HIỆN
3	Xây dựng và triển khai các Đề án về cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững, trợ giúp xã hội, hỗ trợ nhà ở người có công, người nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2025
VII	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ÚNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU			
1	Tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên, đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Cát Bà	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2030
2	Xây dựng mô hình bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu vực đa dạng sinh học cao, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2024
VIII	BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI			
1	Xây dựng các công trình phòng thủ theo quy hoạch, xây dựng Hải Phòng thành khu vực phòng thủ vững chắc	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2030
2	Triển khai ứng dụng và tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm	Công an thành phố	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện liên quan	2023-2030

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 14/NQ-CP NGÀY 08/02/2023 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30-NQ/TW NGÀY 23/11/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG ĐÔNG BẮNG SÔNG HỒNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Kế hoạch số 60 /KH-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố)

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I	Đường bộ				
1	Đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Giao thông vận tải	Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023-2030	
2	Cải tạo, nâng cấp toàn tuyến QL.10, QL.5, QL.17B đi qua địa bàn thành phố; triển khai đầu tư xây dựng giai đoạn 2 tuyến QL.37; hoàn chỉnh tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa phận Hải Phòng	Sở Giao thông vận tải	Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023-2030	
3	Hoàn thành xây dựng cầu Bến Rừng, cầu Lại Xuân, cầu vượt sông Hoá và đoạn tuyến qua Hải Phòng của tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn	Sở Giao thông vận tải	Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023-2025	
II	Cảng hàng không				
1	Nâng cấp, mở rộng cảng hàng không quốc tế Cát Bi	Sở Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023-2030	
2	Nghiên cứu đầu tư Cảng hàng không quốc tế tại huyện Tiên Lãng	Sở Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo quy hoạch (sau năm 2030)	
III	Đường sắt				
1	Dự án đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đoạn Hà Nội - Hải Phòng	Sở Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2025-2030	Đường đôi, khổ 1.435mm
2	Tuyến đường sắt Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (bao gồm cả đoạn Nam Hải Phòng - Hạ Long dài khoảng 37 km).	Sở Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo quy hoạch (sau năm 2030)	Khổ 1.435mm
3	Nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường sắt nối khu vực cảng biển Hải Phòng	Sở Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2025-2030	
IV	Đường thủy nội địa				
1	Cải tạo các tuyến đường thủy nội địa từ Hải Phòng, Quảng Ninh đi Hà Nội, Việt Trì, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình	Sở Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023-2030	

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
IV	Cảng biển				
1	Đầu tư bến cảng mới tại cảng biển Hải Phòng (các bến số: 3, 4, 5, 6 và các bến tiếp theo của cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện)	Sở Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023-2030	
2	Nghiên cứu đầu tư xây dựng cảng Nam Đò Sơn	Sở Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo quy hoạch (sau năm 2030)	
V	Công trình, dự án khác				
1	Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng dữ liệu phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng	Sở Thông tin và Truyền thông	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023-2030	
2	Đầu tư nâng cấp một số bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tính để đảm nhận vai trò thực hiện chức năng vùng	Sở Y tế	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023-2030	
3	Hoàn thành đầu tư xây dựng Trung tâm nghề cá lớn tại thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023-2030	